

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bảo Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Phụng

Ông Thái Khắc Thân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2020 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng A, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 4, thôn S, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 4, thôn S, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng A trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 01/3/2002.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông H có quan hệ với người khác, không lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, cuộc

sống không hạnh phúc. Bà và ông H sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, Khi ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bị đơn:

Theo kết quả xác minh tại Công an xã C thì ông Phạm Văn H hiện cư trú tại Tổ 4, thôn S, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H lên làm việc nhưng ông H vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng:* Bị đơn đang cư trú tại Tổ 4, thôn S, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà Trần Thị Hoàng A và ông Phạm Văn H là “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]*Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các giấy tờ tài liệu do đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Trần Thị Hoàng A và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2002

tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong cách sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, yêu thương, chia sẻ với nhau.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Hoàng A và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà A đối với ông H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

Đối với ông Phạm Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ theo quy định của Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự cho Tòa án nên được coi từ bỏ quyền bảo vệ của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[3] *Về án phí*: Bà Trần Thị Hoàng A nộp án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoàng A đối với ông Phạm Văn H về việc: “Ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hoàng A được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hoàng A nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004471 ngày 26/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trần Thị Hoàng A đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hoàng Bảo Ngọc